

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Khắc phục, sửa chữa
tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 13 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số
40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội
dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6
năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản
lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng
8 năm 2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về ban hành định mức xây
dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn phương pháp
xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của
UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khắc phục, sửa chữa
tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
4489/TTr-SGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế -
kỹ thuật dự án Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê -*

đường Hồ Chí Minh); kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 4466/SGTVT-TĐKHKT ngày 02 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng dự án Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh) với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh).

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục, sửa chữa các đoạn Km15+300 - Km20+294,54; Km21+400 - Km22+800; Km24+900 - Km25+300; Km29+800 - Km30+600 bị hư hỏng; nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường tỉnh Cầu Thiều - Thượng Ninh, nhằm tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho Nhân dân, đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện tham gia giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

6. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Việt Thanh.

7. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn; xã Cán Khê, huyện Như Thanh; xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

8. Phạm vi xây dựng: Trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước các đoạn Km15+300 - Km20+294,54; Km21+400 - Km22+800; Km24+900 - Km25+300; Km29+800 - Km30+600 tuyến đường tỉnh 514 đoạn Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh. Tổng chiều dài các đoạn sửa chữa 7,6km.

10. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Phương án sửa chữa nền, mặt đường

- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường:

+ Đối với những vị trí mặt đường ổ gà, bong tróc: Đào cắt vuông cạnh, khôi phục mặt đường cũ bằng lớp móng đá dăm nước lớp dưới (4x6)cm dày 12cm.

+ Đối với những vị trí nền, mặt đường bị sinh lún: Đào bỏ toàn bộ phần nền, mặt đường bị sinh lún với chiều sâu trung bình 60cm tính từ đáy lớp móng tăng cường; hoàn trả nền đường bằng đất tận dụng chọn lọc dày 30cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$ và móng đá dăm nước lớp dưới (4x6)cm dày 30cm.

- Sửa chữa gia cố lề, mặt đường:

+ Đối với những vị trí mặt đường nhỏ hơn 5,5m, gia cố đảm bảo bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$: Đào vuông cạnh, hoàn trả mặt đường hiện trạng bằng bê tông M200 dày 18cm đến đáy lớp móng tăng cường.

+ Đối với đoạn từ Km18+772 - Km18+972, gia cố lề hai bên tới mép rãnh dọc chịu lực: Đào khuôn đường, hoàn trả đến mặt đường hiện trạng bằng đá dăm nước lớp dưới dày 30cm.

- Toàn bộ nền, mặt đường sau khi sửa chữa các hư hỏng (ổ gà, bong tróc, sinh lún, gia cố lề), được khôi phục, tăng cường bằng 01 lớp móng đá (4x6)cm chèn đá dăm dày 12cm; phần mặt đường cũ được bù vênh trung bình dày 2cm và thi công cùng với lớp tăng cường (không bao gồm phạm vi xử lý bong tróc, ổ gà, gia cố lề); láng nhựa mặt đường 02 lớp TCN 3,0kg/m². Đối với vị trí đầu, cuối đoạn sửa chữa, đường ngang: vuốt nối bằng móng đá (4x6)cm chèn đá dăm dày trung bình 6cm và láng nhựa 02 lớp TCN 3,0kg/m².

- Phạm vi từ mép mặt đường nhựa đến mép rãnh dọc hai bên, được gia cố vuốt nối bằng BTXM M300 dày 18cm.

- Lề đường: Đắp phụ lề đường bằng đất đào chọn lọc tận dụng đầm chặt, phù hợp với cao độ mặt đường sau khi hoàn thiện.

- Nâng cao gờ chắn bánh công cũ bằng bê tông M200.

b) Đối với rãnh dọc bổ sung trên tuyến

- Bổ sung rãnh thoát nước dọc hai bên đoạn từ Km18+772 - Km18+972, tổng chiều dài $L=400m$; sử dụng loại rãnh kín chịu lực tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=50cm$, thu nước mặt đường qua cửa thu, hố thu, khoảng cách trung bình 30m/01 hố thu; cụ thể:

+ Thân và đáy rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; nắp rãnh bằng BTCT M300, kích thước (1,0x0,8)m có kết hợp bó vỉa rộng 30cm để ngăn nước. Đối với các vị trí đường ngang nắp rãnh không bố trí bó vỉa, phủ mặt bản bằng bê tông M300 dày 6cm.

+ Hố thu cấu tạo như phần rãnh, cao độ đáy sâu hơn đáy rãnh 30cm, nắp rãnh hố thu bố trí 06 cửa thu nước, kích thước (3x30)cm.

- Bổ sung rãnh thoát nước dọc hai bên đoạn Km17+00 - Km17+086, loại rãnh hở tiết diện hình thang (1,2+0,4)x0,4m; cấu tạo rãnh bằng BTXM M200 dày 15cm đổ tại chỗ. Chiều dài rãnh $L=172m$; các vị trí qua nhà dân bố trí tấm đan BTCT M250 dày 15cm, kích thước (1,6x0,8x0,15)m.

- Thoát nước rãnh dọc qua các cống thoát nước ngang hiện trạng.

c) Đối với rãnh dọc sửa chữa trên tuyến

- Nâng cao thành rãnh hiện trạng các đoạn Km18+00 - Km18+738 (trái

tuyến), Km18+00 - Km18+103 và Km18+300 - Km18+738 (phải tuyến), bằng bê tông M250 (có khoan cấy thép D12, khoảng cách trung bình 20cm một thanh). Tổng chiều dài các đoạn rãnh L=1.279m.

- Thay thế rãnh dọc đá hộc xây hư hỏng bằng rãnh BTXM M200 tiết diện hình thang các đoạn Km15+944 - Km15+988; Km16+00 - Km16+109; Km16+485 - Km16+518; Km16+574 - Km16+650; Km16+968 - Km17+055. Tổng chiều dài các đoạn rãnh L=694m.

d) Đối với cống thoát nước ngang đường: Giữ nguyên hệ thống cống hiện có, chỉ nâng cao gờ chắn bánh các cống bản bằng bê tông M200 (có khoan lỗ cấy thép D10); riêng cống tròn 1,0m tại Km15+722 thiết kế nổi dài cho đủ chiều rộng nền đường.

e) Phương án sửa chữa hệ thống an toàn giao thông: Nâng cao, sơn sửa cọc tiêu, biển báo, cọc H, cột Km cho phù hợp cao độ mặt đường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và bổ sung biển báo, cọc tiêu gắn phản quang (8x8)cm, toàn bộ cọc H, cột Km được bọc bằng tôn mạ kẽm dày 2mm và dán màng phản quang.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

11. Tổng mức đầu tư: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	13.632.675.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	361.190.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	928.431.000	đồng;
- Chi phí khác:	77.704.000	đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn: Vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2023 - 2024).

13. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

14. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Công văn số 4466/SGTVT-TĐKHKT ngày 02/8/2023.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2024.

16. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư

xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Triệu Sơn, Như Thanh, Như Xuân và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG DỰ ÁN**Dự án: Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh)***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị: Đồng.*

STT	Hạng mục chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng		12.393.341.000	1.239.334.000	13.632.675.000
1	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn	<i>Dự toán chi tiết</i>	528.952.727	52.895.273	581.848.000
2	Xã Cán Khê, huyện Như Thanh		10.872.300.909	1.087.230.091	11.959.531.000
3	Xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân		992.087.273	99.208.727	1.091.296.000
II	Chi phí quản lý dự án	12.393.341.000 x 2,914%	361.190.000		361.190.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Cộng 1-7	883.504.000	44.927.000	928.431.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT	<i>QĐ số 509/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2023 của Giám đốc Sở GTVT Thanh Hóa</i>	449.265.455	44.926.545	494.192.000
2	Chi phí Giám sát khảo sát		6.476.000		6.476.000
3	Chi phí Lập nhiệm vụ khảo sát		4.771.000		4.771.000
4	Chi phí Lập HSMT gói thầu xây lắp	13.650.867.000 x 0,100%	13.650.867		13.651.000
5	Chi phí Đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	13.650.867.000 x 0,100%	13.650.867		13.651.000
6	Chi phí Phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT	13.650.867.000 x 0,100%	13.650.867		13.651.000
7	Chi phí Giám sát thi công xây dựng	12.393.341.000 x 3,083%	382.038.982		382.039.000
IV	Chi phí khác	Cộng 1-3	76.038.000	1.666.000	77.704.000
1	Phí thẩm định lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật	15.000.000.000 x 0,019%	2.850.000		2.850.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	15.000.000.000 x 0,377%	56.531.000		56.531.000
3	Chi phí Đảm bảo giao thông trong thi công	<i>Dự toán chi tiết</i>	16.657.000	1.665.727	18.323.000
Tổng cộng		(I+II+III+IV)	13.713.953.000	1.285.915.000	15.000.000.000